

Số: 08 /TB-TTHCC

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 11 năm 2021

THÔNG BÁO

**Về việc tổ chức làm việc vào ngày thứ Bảy hàng tuần
để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang**

Thực hiện Văn bản số 4603/UBND-THCBKS ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính (TTHC),

Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, người dân và doanh nghiệp được nhanh chóng, kịp thời, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thông báo Danh mục thủ tục hành chính và thời gian làm việc, tiếp nhận, giải quyết vào ngày thứ Bảy hàng tuần, bắt đầu từ ngày 27/11/2021 như sau:

1. Các thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, giải quyết vào ngày thứ Bảy hàng tuần:

1.1. Tổ chức tiếp nhận và giải quyết TTHC cả ngày thứ Bảy, gồm 126 TTHC thuộc các lĩnh vực:

- Lĩnh vực Đất đai (thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài); đăng ký giao dịch bảo đảm;
- Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (đăng ký kinh doanh);
- Lĩnh vực Chính sách người có công;
- Lĩnh vực Công chứng.

1.2. Tổ chức tiếp nhận và giải quyết TTHC vào một phần hai ngày thứ Bảy (buổi sáng), gồm 08 TTHC thuộc các lĩnh vực:

- Lĩnh vực Giáo dục trung học (giới thiệu chuyên trường và tiếp nhận học sinh); thi, tuyển sinh (cấp phát bằng, xác nhận kết quả tốt nghiệp trung học phổ thông);
- Lĩnh vực Lý lịch tư pháp.

(Có Danh mục TTHC chi tiết kèm theo)

2. Thời gian làm việc, tiếp nhận và giải quyết TTHC:

Thực hiện theo mục I nội quy Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-TTHCC ngày 25/10/2021 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang.

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trân trọng thông báo đến các tổ chức, cá nhân biết, thuận tiện trong việc phối hợp công tác và giải quyết thủ tục hành chính./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- Các sở, ban, ngành;
- UBND huyện, thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Hội Doanh nghiệp trẻ;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC(Mai)

GIÁM ĐỐC



Tạ Văn Dũng



**DANH MỤC 126 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT
CẢ NGÀY THỨ BẢY HÀNG TUẦN**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 08/TB-TTHCC ngày 25/11/2021
của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang)

| STT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN | | | THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH |
|----------|--|-------------------------|-------------|-------------|---|
| | | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 4 | |
| A | SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (22 THỦ TỤC) | | | | |
| * | Lĩnh vực Đất đai (22 thủ tục) | 6 | 0 | 16 | 22 |
| 1. | Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu. | | | X | X |
| 2. | Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện | | | X | X |
| 3. | Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu | | | X | X |
| 4. | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu. | | | X | X |
| 5. | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất | | | X | X |
| 6. | Đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp | | | X | X |
| 7. | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở | | | X | X |
| 8. | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định | | | X | X |
| 9. | Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng | | | X | X |
| 10. | Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm | X | | | X |

| STT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN | | | THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BUƯ CHÍNH CÔNG ÍCH |
|-----|--|-------------------------|----------|----------|--|
| | | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 4 | |
| 11. | Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất | | | X | X |
| 12. | Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất. | | | X | X |
| 13. | Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Đối với dự án đầu tư đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư hoặc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì không phải thực hiện thủ tục thẩm định này. | | | X | X |
| 14. | Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng) | X | | | X |
| 15. | Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. (Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng.) | X | | | X |

| STT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN | | | THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BUỒI CHÍNH CÔNG ÍCH |
|-----|--|-------------------------|----------|----------|---|
| | | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 4 | |
| 16. | Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức | | | X | X |
| 17. | Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng | X | | | X |
| 18. | Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | X | | | X |
| 19. | Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. | X | | | X |
| 20. | Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp | | | X | X |
| 21. | Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp | | | X | X |
| 22. | Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp | | | X | X |
| * | Lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm (07 thủ tục) | 0 | 0 | 7 | 7 |
| 23. | Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất) | | | X | X |
| 24. | Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai | | | X | X |
| 25. | Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận | | | X | X |

| STT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN | | | THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BUƯ CHÍNH CÔNG ÍCH |
|----------|--|-------------------------|----------|-----------|--|
| | | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 4 | |
| 26. | Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký | | | X | X |
| 27. | Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký | | | X | X |
| 28. | Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất | | | X | X |
| 29. | Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất | | | X | X |
| B | SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (51 THỦ TỤC) | | | | |
| * | Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (51 thủ tục) | 0 | 0 | 51 | 51 |
| 30. | Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp | | | X | X |
| 31. | Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp | | | X | X |
| 32. | Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân | | | X | X |
| 33. | Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên | | | X | X |
| 34. | Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên | | | X | X |
| 35. | Đăng ký thành lập công ty cổ phần | | | X | X |
| 36. | Đăng ký thành lập công ty hợp danh | | | X | X |
| 37. | Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | | | X | X |
| 38. | Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | | | X | X |
| 39. | Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh | | | X | X |
| 40. | Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần | | | X | X |
| 41. | Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | | | X | X |
| 42. | Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên | | | X | X |

| STT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN | | | THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BUƯ CHÍNH CÔNG ÍCH |
|-----|--|-------------------------|----------|----------|--|
| | | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 4 | |
| 43. | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên | | | X | X |
| 44. | Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết | | | X | X |
| 45. | Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | | | X | X |
| 46. | Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân | | | X | X |
| 47. | Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết | | | X | X |
| 48. | Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết | | | X | X |
| 49. | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế) | | | X | X |
| 50. | Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | | | X | X |
| 51. | Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | | | X | X |
| 52. | Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương | | | X | X |
| 53. | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính | | | X | X |

| STT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN | | | THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BUƯ CHÍNH CÔNG ÍCH |
|-----|---|-------------------------|----------|----------|--|
| | | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 4 | |
| 54. | Thông báo lập địa điểm kinh doanh | | | X | X |
| 55. | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh | | | X | X |
| 56. | Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính | | | X | X |
| 57. | Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền | | | X | X |
| 58. | Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty | | | X | X |
| 59. | Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty | | | X | X |
| 60. | Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh) | | | X | X |
| 61. | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh) | | | X | X |
| 62. | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần) | | | X | X |
| 63. | Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại | | | X | X |
| 64. | Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần | | | X | X |
| 65. | Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên | | | X | X |

| STT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN | | | THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BUƯ CHÍNH CÔNG ÍCH |
|-----|---|-------------------------|----------|----------|--|
| | | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 4 | |
| 66. | Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên | | | X | X |
| 67. | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác | | | X | X |
| 68. | Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế | | | X | X |
| 69. | Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp | | | X | X |
| 70. | Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) | | | X | X |
| 71. | Giải thể doanh nghiệp | | | X | X |
| 72. | Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án | | | X | X |
| 73. | Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh | | | X | X |
| 74. | Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp | | | X | X |
| 75. | Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường | | | X | X |
| 76. | Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội | | | X | X |
| 77. | Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội | | | X | X |
| 78. | Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp | | | X | X |
| 79. | Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh | | | X | X |

| STT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN | | | THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BUƯ CHÍNH CÔNG ÍCH |
|----------|---|-------------------------|----------|-----------|--|
| | | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 4 | |
| 80. | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán | | | X | X |
| C | SỔ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (27 THỦ TỤC) | | | | |
| * | Lĩnh vực Chính sách người có công (27 thủ tục) | 5 | 0 | 22 | 27 |
| 81. | Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao long | | | X | X |
| 82. | Hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong trường hợp: + Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù; + Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú; + Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ; + Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra | | | X | X |
| 83. | Giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác | | | X | X |
| 84. | Giải quyết chế độ đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh | | | X | X |
| 85. | Giám định vết thương còn sót | | | X | X |
| 86. | Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh | X | | | X |
| 87. | Sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công | | | X | X |
| 88. | Di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng | | | X | X |
| 89. | Giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ | X | | | X |
| 90. | Đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ | | | X | X |
| 91. | Lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình | | | X | X |
| 92. | Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần | | | X | X |

| STT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN | | | THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BUƯ CHÍNH CÔNG ÍCH |
|----------|--|-------------------------|----------|-----------|--|
| | | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 4 | |
| 93. | Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công từ trần | | | X | X |
| 94. | Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ | | | X | X |
| 95. | Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến | | | X | X |
| 96. | Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học | | | X | X |
| 97. | Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học | | | X | X |
| 98. | Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày | | | X | X |
| 99. | Giải quyết chế độ người HĐKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế | | | X | X |
| 100. | Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng | | | X | X |
| 101. | Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ | | | X | X |
| 102. | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng | | | X | X |
| 103. | Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ | X | | | X |
| 104. | Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ | | | X | X |
| 105. | Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi | X | | | X |
| 106. | Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ | | | X | X |
| 107. | Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ | X | | | X |
| D | SỞ TƯ PHÁP (19 THỦ TỤC) | | | | |
| * | Lĩnh vực Công chứng (19 thủ tục) | 1 | 0 | 18 | 19 |
| 108. | Đăng ký tập sự hành nghề công chứng | | | X | X |

| STT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN | | | THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BUỒI CHÍNH CÔNG ÍCH |
|------|---|-------------------------|----------|----------|---|
| | | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 4 | |
| 109. | Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng | | | X | X |
| 110. | Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | | | X | X |
| 111. | Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác | | | X | X |
| 112. | Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng | | | X | X |
| 113. | Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng | | | X | X |
| 114. | Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên | | | X | X |
| 115. | Cấp lại thẻ Công chứng viên | | | X | X |
| 116. | Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng | | | X | X |
| 117. | Thành lập văn phòng công chứng | | | X | X |
| 118. | Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng | | | X | X |
| 119. | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng | X | | | X |
| 120. | Hợp nhất Văn phòng công chứng | | | X | X |
| 121. | Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất | | | X | X |
| 122. | Sáp nhập Văn phòng công chứng | | | X | X |
| 123. | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập | | | X | X |
| 124. | Chuyển nhượng Văn phòng công chứng | | | X | X |
| 125. | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng | | | X | X |
| 126. | Thành lập hội công chứng viên | | | X | X |



DANH MỤC 08 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT SÁNG NGAY THỦ BAY HÀNG TUẦN

(Ban hành kèm theo Thông báo số 08 /TB-TTHCC ngày 25 /11/2021 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang)

| STT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN | | | THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH |
|----------|---|-------------------------|----------|----------|--|
| | | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 4 | |
| A | SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (05 THỦ TỤC) | | | | |
| * | Lĩnh vực Giáo dục trung học (02 thủ tục) | 0 | 0 | 4 | 4 |
| 1. | Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông | | | x | x |
| 2. | Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học | | | x | x |
| * | Lĩnh vực Thi, tuyển sinh (03 thủ tục) | | | | |
| 3. | Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc | | | x | x |
| 4. | Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ | | | x | x |
| 5. | Xác nhận kết quả tốt nghiệp trung học phổ thông | | | x | x |
| B | SỞ TƯ PHÁP (03 THỦ TỤC) | | | | |
| * | Lĩnh vực Lý lịch tư pháp (03 thủ tục) | 0 | 0 | 3 | 3 |
| 6. | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam | | | x | x |
| 7. | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam) | | | x | x |
| 8. | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam) | | | x | x |